

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 139/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2023

V/v ly hôn giữa chị Qà anh L

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tùng.

Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 284/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Nơi đang cư trú: ấp Bàu Mua, xã Thanh Hưng, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chị Q và anh L vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn L tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/02/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh chị còn trẻ, thu nhập cả hai không ổn định lại có con nhỏ nên có bất đồng về kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2020, mâu thuẫn giữa chị và anh L đã không còn khả năng hàn gắn nên chị đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột chị tại thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An sinh sống và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Chị có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Thị Quế A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2014, từ khi vợ chồng ly thân thì chị là người trực tiếp nuôi con, cháu Quế A cũng đang học tại trường tiểu học H thuộc xã H, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Chị và cháu Quế A đang sống cùng cha mẹ ruột của chị. Thỉnh thoảng, anh L cũng lên thăm và rước cháu Anh về nhà ở Bến Tre chơi, chị không ngăn cản hay gây khó khăn gì cho anh L. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh L không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Văn L trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, hồ sơ khởi kiện photo theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh L đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh L.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Theo kết quả xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh L tồn tại đã nhiều năm, đến nay vợ chồng đã sống ly thân; trong suốt quá trình tố tụng anh L vắng mặt không đến tòa cho thấy anh L không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh L đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q. Về con chung, chị Q và anh L 01 con chung tên Huỳnh Thị Quế A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2014, từ khi ly thân đến nay thì chị Q là người trực tiếp nuôi con chung; cháu A cũng có nguyện vọng sống cùng chị Q. Do đó, để

không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con chung cháu đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi con chung; chị Q không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Về tài sản chung và nợ chung chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Huỳnh Văn L là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung. Bị đơn anh L đang cư trú tại xã Bình Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn anh L vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh L vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2; chị Q có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Q và anh L.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Huỳnh Văn L kết hôn vào năm 1997, hôn nhân do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre ngày 01/02/2013 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị Q xác định, trong thời gian vợ chồng chung sống anh chị có bất đồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; mâu thuẫn kéo dài và vợ chồng cũng đã ly thân nhiều năm. Đến nay, chị Q xác định quan hệ hôn nhân giữa chị và anh L không thể kéo dài nên cương quyết xin ly hôn. Xét lời khai của chị Q phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L không đến tham gia phiên hòa giải, không đến tham gia phiên tòa; điều đó cho thấy anh L không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q.

[3] Về con chung: Chị Q và anh L có 01 con chung tên Huỳnh Thị Quế A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2014 (theo Giấy khai sinh số 139 do Ủy ban nhân dân xã

Bình Hòa, huyện Giồng Trôm cấp ngày 03/11/2014). Chị Q yêu cầu được nuôi con chung, anh L không có yêu cầu gì về con. Xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì chị Q là người trực tiếp nuôi cháu A, cháu A hiện đang học tại trường tiểu học H thuộc xã H, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An; anh L cũng không gặp khó khăn trong việc đến thăm và chăm sóc con chung. Hơn nữa, cháu Anh cũng có nguyện vọng sống cùng chị Q. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử giao cho chị Q được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Q không yêu cầu anh Long cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q khai chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh L vắng mặt trong quá trình tố tụng, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q ly hôn với anh Huỳnh Văn L.
2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Thị Quế A, sinh ngày 16 tháng 10 năm 2014 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị Q không yêu cầu anh Long cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0005930 ngày 12/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Dương sự đã nộp đủ án phí.

Chị Q và anh L vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Ngọc Huyền